[TÀI LIỆU HỘI THẢO TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT 22 08 2023](https://vinamarinehcm.gov.vn/index.aspx?page=detail&id=1694)

Giới thiệu văn bản quy phạm pháp luật

-Thông tư số 20/2023/TT-BGTVT

-Phần mềm cổng thông tin điện tử của Bộ GTVT về thủ tục đăng ký tàu biển, thuyền viên.

-Quyết định số 732/QĐ-BGTVT ngày 16/6/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT

Thông tư 20/2023/TT-BGTVT

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, đào tạo, huấn luyện thuyền viên, định biên an toàn tối thiểu của tàu biển, tàu biển công vụ đã đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, đào tạo, huấn luyện thuyền viên, định biên an toàn tối thiểu của tàu biển, tàu biển công vụ đã đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam.

Điều 3 **Giải thích từ ngữ**

34. Tổ chức quản lý thuyền viên gồm: cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên, chủ tàu, tổ chức cung ứng thuyền viên, hoặc bất cứ tổ chức, cá nhân nào khác như người quản lý, người thuê tàu trần mà họ nhận trách nhiệm đối với việc vận hành tàu từ chủ tàu và những người đồng ý đảm nhiệm tất cả các nhiệm vụ, trách nhiệm như vậy cho công ty theo các quy định đó.

Note: Điều 19 đến 22: các loại giấy CN có giá trị sử dụng là 05 năm kể từ ngày cấp.

**Điều 28. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên**

2. Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh:

a) Có thời gian thực tập được ghi nhận trong "Sổ ghi nhận huấn luyện" tối thiểu 12 tháng theo chương trình huấn luyện đáp ứng các yêu cầu tại Mục A-II/1 của Bộ luật STCW hoặc có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng, trong đó có ít nhất 18 tháng trên tàu từ 500 GT trở lên bao gồm 06 tháng đảm nhiệm chức danh thủy thủ trực ca AB;

Điều 41 , **Điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn**

2. Đối với GCNKNCM đã hết hạn không quá 05 năm hoặc sắp hết hạn sử dụng phải đáp ứng điều kiện:

a) Thuyền viên đã có thời gian đảm nhiệm công việc theo chức danh của GCNKNCM được cấp tổng cộng 12 tháng trở lên trong thời hạn 05 năm ngay trước ngày đề nghị cấp lại hoặc 03 tháng trong vòng 06 tháng ngay trước ngày đề nghị cấp lại;

b) Trường hợp không đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì phải tập sự 03 tháng theo chức danh của GCNKNCM trong 06 tháng ngay trước khi đề nghị cấp lại hoặc đạt kết quả thi trong kỳ thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng tương ứng với chức danh của GCNKNCM đã hết hạn;

c) Trường hợp thuyền viên đã có thời gian đảm nhiệm công việc theo chức danh tương tự điểm a khoản này nhưng trên tàu có hạn chế chức danh thấp hơn hạn chế chức danh ghi trên GCNKNCM được đề nghị cấp GCNKNCM có hạn chế chức danh tương đương với hạng tàu thuyền viên đã làm việc;

d) Các chứng chỉ nghiệp vụ phù hợp với chức danh theo quy định của Công ước STCW phải còn hiệu lực.

3. Đối với GCNKNCM hết hạn từ 5 năm trở lên:

a) Đối với các chức danh thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện: tập sự 03 tháng theo chức danh của GCNKNCM trong 06 tháng ngay trước khi đề nghị cấp lại;

b) Đối với các chức danh sỹ quan trở lên: đạt kết quả thi trong kỳ thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định phù hợp với chức danh của GCNKNCM đã hết hạn.

Điều 55. Thủ tục cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

1. Đối tượng cấp là thuyền viên đáp ứng điều kiện cấp Giấy công nhận GCNKNCM theo quy định của Thông tư này và Công ước STCW.

2. Tổ chức quản lý thuyền viên nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận GCNKNCM trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Chi cục hàng hải hoặc Cảng vụ hàng hải được Cục Hàng hải Việt Nam ủy quyền. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của tổ chức quản lý thuyền viên theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử chứng chỉ chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Việt Nam thỏa thuận về việc công nhận chứng chỉ chuyên môn cấp;

c) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định của Công ước STCW và Công ước lao động hàng hải MLC 2006; Hộ chiếu; Sổ thuyền viên hoặc giấy tờ chứng minh thời gian đi biển do chính quyền hàng hải cấp;

d) 02 ảnh màu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, 01 tệp (file) ảnh đối với trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường điện tử cỡ 3cm x 4cm, nền trắng, chụp trong vòng 06 tháng gần nhất.

Điều 56. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên Việt Nam đã có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp

3. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp thủy thủ trực ca OS, thợ máy trực ca Oiler, thợ kỹ thuật điện gồm:

a) Đơn đề nghị của thuyền viên theo mẫu quy định tại Phụ lục III hoặc văn bản đề nghị của tổ chức quản lý thuyền viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: Bằng tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp hoặc Quyết định tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành học phần lý thuyết của chương trình đào tạo sỹ quan hàng hải hoặc Giấy chứng nhận đã hoàn thành đủ các phần đào tạo thủy thủ trực ca OS hoặc Giấy chứng nhận đã hoàn thành đủ các phần đào tạo thợ máy trực ca Oiler hoặc Giấy chứng nhận đã hoàn thành đủ các phần đào tạo thợ kỹ thuật điện; Giấy chứng nhận học bồi dưỡng, nâng cao (nếu có); Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản. Đối với Bằng tốt nghiệp được cấp bởi cơ sở giáo dục nước ngoài thì nộp thêm bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế;

d) 02 ảnh màu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, 01 tệp (file) ảnh đối với trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường điện tử cỡ 3cm x 4cm, nền trắng, chụp trong vòng 06 tháng gần nhất;

đ) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Sổ thuyền viên (đối với trường hợp học bồi dưỡng, nâng cao hoặc chỉ có trình độ sơ cấp nghề).

4. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp GCNKNCM thủy thủ trực ca AB; thợ máy trực ca AB gồm các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d của khoản 3 Điều này và bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Sổ thuyền viên, Hộ chiếu (đối với trường hợp thuyền viên làm việc trên tàu biển treo cờ quốc tịch nước ngoài).

5. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp GCNKNCM thủy thủ trực ca AB; thợ máy trực ca AB khi đã có GCNKNCM thủy thủ trực ca OS, thợ máy trực ca Oiler gồm: các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, c, d của khoản 3 Điều này và bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Sổ thuyền viên, Hộ chiếu (đối với trường hợp thuyền viên làm việc trên tàu biển treo cờ quốc tịch nước ngoài).

6. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNKNCM cho thuyền viên Việt Nam đã có GCNKNCM do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp gồm: các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d của khoản 3 Điều này và bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính GCNKNCM do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Việt Nam thỏa thuận về việc công nhận Chứng chỉ chuyên môn cấp và Sổ thuyền viên.

**Điều 57. Thủ tục cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận**

2. Tổ chức quản lý thuyền viên, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Chi cục hàng hải hoặc Cảng vụ hàng hải được Cục Hàng hải Việt Nam ủy quyền. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của thuyền viên theo mẫu quy định tại Phụ lục V hoặc văn bản đề nghị của tổ chức quản lý thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục VI của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: Giấy chứng nhận GOC, ROC, GCNHLNVĐB;

c) 02 ảnh màu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, 01 tệp (file) ảnh đối với trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường điện tử cỡ 3cm x 4cm, nền trắng, chụp trong vòng 06 tháng gần nhất.

**Điều 58. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính**

2. Tổ chức quản lý thuyền viên, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Chi cục hàng hải hoặc Cảng vụ hàng hải được Cục Hàng hải Việt Nam ủy quyền. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính của huấn luyện viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này hoặc văn bản đề nghị của tổ chức quản lý thuyền viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: Xác nhận hoàn thành khoá huấn luyện hoặc Quyết định tốt nghiệp khoá huấn luyện dành cho huấn luyện viên chính;

c) 02 ảnh màu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, 01 tệp (file) ảnh đối với trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường điện tử cỡ 3cm x 4cm, nền trắng, chụp trong vòng 06 tháng gần nhất;

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng chỉ sử dụng mô phỏng và đánh giá mô phỏng (đối với trường hợp huấn luyện viên chính phòng mô phỏng).

**Điều 59. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy Chứng nhận, Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính**

2. Tổ chức quản lý thuyền viên, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại GCNKNCM, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận, Giấy công nhận GCNKNCM, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Chi cục hàng hải hoặc Cảng vụ hàng hải được Cục Hàng hải Việt Nam ủy quyền. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị quy định tại Phụ lục IX hoặc văn bản đề nghị của tổ chức quản lý thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục X của Thông tư này;

b) Giấy tờ có giá trị pháp lý chứng minh sự điều chỉnh đối với trường hợp thay đổi thông tin;

c) 02 ảnh màu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, 01 tệp (file) ảnh đối với trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường điện tử cỡ 3cm x 4cm, nền trắng, chụp trong vòng 06 tháng gần nhất;

d) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế (trường hợp cấp lại GCNKNCM);

đ) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: Sổ thuyền viên hoặc Quyết định công nhận kết quả kỳ thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng (trường hợp cấp lại GCNKNCM hết hoặc sắp hết hạn); Hộ chiếu đối với trường hợp thuyền viên làm việc trên tàu biển treo cờ quốc tịch nước ngoài;

e) Trường hợp thuyền viên đang làm việc trên tàu chạy tuyến quốc tế không thể nộp thành phần hồ sơ tại điểm d, đ khoản này: tổ chức quản lý thuyền viên phải có văn bản đề nghị theo theo mẫu tại Phụ lục X kèm bản sao có đóng dấu treo hoặc ký số của tổ chức quản lý thuyền viên: Sổ thuyền viên; Giấy chứng nhận sức khỏe và chịu trách nhiệm đối với thông tin đã đề nghị.

**Điều 61. Trách nhiệm của các chủ thể thực hiện thủ tục hành chính; thu hồi Chứng chỉ chuyên môn, Giấy công nhận, Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận của thuyền viên**

3. Chứng chỉ chuyên môn, Giấy công nhận, Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận của thuyền viên bị thu hồi trong trường hợp giả mạo giấy tờ trong hồ sơ hoặc tẩy xóa, mua bán, cho thuê, cho mượn Chứng chỉ chuyên môn, Giấy công nhận, Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp lại chứng chỉ chuyên môn Giấy công nhận, Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận thì có thẩm quyền thu hồi.

**Điều 62. Khung định biên an toàn tối thiểu**

1. Quy định chung đối với tàu biển Việt Nam

a) Định biên an toàn tối thiểu bộ phận boong theo tổng dung tích (GT):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chức danh | Dưới 50 GT | Từ 50 GT đến dưới 500 GT | Từ 500 GT đến dưới 3000 GT | Từ 3000 GT trở lên |
| Thuyền trưởng | 01 | 01 | 01 | 01 |
| Đại phó |  | 01 | 01 | 01 |
| Sỹ quan boong |  |  | 01 | 02 |
| Sỹ quan vô tuyến điện GMDSS (\*) |  |  | 01 | 01 |
| Thuỷ thủ trực ca AB | 01 | 01 | 01 | 01 |
| Thủy thủ trực ca OS |  |  | 01 | 01 |
| **Tổng cộng** | **02** | **03** | **06** | **07** |

(\*) Trường hợp sỹ quan boong có chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đảm nhiệm nhiệm vụ khai thác thiết bị vô tuyến điện GMDSS trên tàu thì không phải bố trí chức danh Sỹ quan vô tuyến điện GMDSS.

b) Định biên an toàn tối thiểu bộ phận máy theo tổng công suất máy chính (kW):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chức danh** | **Dưới 75 kW** | **Từ 75 kW đến dưới 750 kW** | **Từ 750 kW đến dưới 3000 kW** | **Từ 3000 kW trở lên** |
| Máy trưởng | 01 | 01 | 01 | 01 |
| Máy hai |  |  | 01 | 01 |
| Sỹ quan máy |  | 01 | 01 | 01 |
| Thợ máy trực ca AB |  | 01 | 01 | 02 |
| Thợ máy trực ca Oiler |  |  | 01 | 01 |
| **Tổng cộng** | **01** | **03** | **05** | **06** |

2. Đối với tàu có thiết bị điện phức tạp, đa dạng thì chủ tàu có thể bố trí sỹ quan kỹ thuật điện, thợ kỹ thuật điện.

3. Định biên an tối thiểu đối với một số trường hợp đặc biệt:

a) Đối với tàu lai dắt, tàu công trình hoạt động thường xuyên trong một khu vực nhất định, với thời gian hoạt động ngắn, trên cơ sở đề xuất bằng văn bản của chủ tàu: Cơ quan đăng ký tàu biển quyết định định biên an toàn tối thiểu của tàu phù hợp với thực tế sử dụng, khai thác tàu, bảo đảm định biên an toàn tối thiểu không thấp hơn 01 thuyền trưởng, 01 sỹ quan boong, 01 thủy thủ trực ca AB; 01 máy trưởng, 01 sỹ quan máy, 01 thợ máy trực ca AB. Đối với tàu lai dắt, tàu công trình nhỏ, có khung định biên an toàn tối thiểu thấp hơn số lượng quy định tại điểm này thì không điều chỉnh giảm;

b) Đối với sà lan không tự hành, không kết cấu buồng sinh hoạt cho thuyền viên định biên an toàn tối thiểu là 0 (không) người. Quá trình hoạt động, luôn phải có tàu lai, kéo hỗ trợ để bảo đảm an toàn theo quy định;

c) Đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro, ngoài định biên quy định tại khoản 1 Điều này, phải bố trí thêm: 01 (một) thuyền viên phụ trách hành khách với tàu có sức chở đến 200 hành khách, 02 (hai) thuyền viên phụ trách hành khách với tàu có sức chở đến 300 hành khách, 03 (ba) thuyền viên phụ trách hành khách với tàu có sức chở đến 500 hành khách, 04 (bốn) thuyền viên phụ trách hành khách với tàu có sức chở trên 500 hành khách. Số lượng thuyền viên phụ trách hành khách được ghi rõ trong phần ghi chú của Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu.

Trường hợp tàu khách và tàu khách Ro-Ro hoạt động trên tuyến cố định trong vùng biển Việt Nam, thời gian hành trình theo kế hoạch giữa 2 đầu bến cảng dưới 06 giờ, trên cơ sở đề xuất của chủ tàu, cơ quan đăng ký tàu biển điều chỉnh giảm định biên an toàn tối thiểu của tàu so với khung định biên quy định tại khoản 1 Điều này: 01 (một) thuyền viên bộ phận boong đối với tàu có tổng dung tích từ 500 GT trở lên (không áp dụng cho chức danh thuyền trưởng, đại phó); 01 (một) thuyền viên bộ phận máy đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW trở lên (không áp dụng cho chức danh máy trưởng). Đối với tàu có tổng dung tích dưới 500 GT và tổng công suất máy chính dưới 750 kW không điều chỉnh giảm.”.

4. Đối với tàu biển công vụ quy định tại Điều 1 Thông tư này, tàu đưa đón hoa tiêu và các loại tàu biển có tính năng kỹ thuật đặc biệt, trên cơ sở đề xuất bằng văn bản của chủ tàu, cơ quan đăng ký tàu biển quyết định định biên an toàn tối thiểu của tàu phù hợp với thực tế sử dụng, khai thác tàu. Văn bản đề xuất của chủ tàu nêu rõ các chức danh, số lượng thuyền viên cần thiết để bảo đảm an toàn cho tàu hoạt động, thời giờ nghỉ ngơi của thuyền viên.

5. Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu do cơ quan đăng ký tàu biển nơi tàu biển đăng ký cấp đồng thời khi tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV của Thông tư này.

**Điều 64. Miễn trừ (Mới)**

1. Trong trường hợp tàu đang hành trình trên biển mà thuyền trưởng, máy trưởng không còn khả năng đảm nhiệm chức danh, chủ tàu, người khai thác tàu có thể bố trí sỹ quan có chức danh cao nhất thay thế thuyền trưởng hoặc máy trưởng để có thể tiếp tục chuyến đi đến cảng tới kế tiếp gần nhất. Đối với các chức danh khác, thuyền trưởng hoặc sỹ quan có chức danh cao nhất được chủ tàu, người khai thác tàu bố trí thay thế thuyền trưởng quyết định phân công nhiệm vụ cho thuyền viên khác thay thế.

2. Trong trường hợp tàu đang ở cảng nước ngoài, do tình huống bất khả kháng, định biên của tàu không đủ theo Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu được cấp, trên cơ sở báo cáo đề xuất của chủ tàu, Cục Hàng hải Việt Nam xem xét cho phép tàu hành trình một chuyến đến nơi gần nhất có thể thay thế, bổ sung thuyền viên. Quy định này không áp dụng cho chức danh Sỹ quan vô tuyến điện GMDSS duy nhất trên tàu.

**Điều 69. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

2. Bãi bỏ Thông tư số [03/2020/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-03-2020-tt-bgtvt-tieu-chuan-chuyen-mon-huan-luyen-thuyen-vien-tau-bien-viet-nam-318370.aspx) ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam.

3. Chứng chỉ chuyên môn, Giấy công nhận, Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận của thuyền viên, Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu tàu biển được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trong các giấy chứng nhận đó hoặc cho đến khi thực hiện cấp lại.

4. Các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý học viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu các khóa đào tạo, huấn luyện và liên kết vào cơ sở dữ liệu thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam trước ngày 01 tháng 7 năm 2024.

5. Các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên xây dựng quy trình cấp, cấp lại các Giấy huấn luyện nghiệp vụ và xây dựng quy trình quản lý lưu trữ hồ sơ

Lưu ý: Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên được cấp từ 01/01/2025 phải có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin và kết nối với hệ thống thông tin quản lý thuyền viên

Nghị định 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VÀ TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG, CUNG ỨNG THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải, bao gồm: Điều kiện của cơ sở đào tạo, huấn luyện, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện tổ chức hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải; tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải và các tổ chức, cá nhân liên quan đến đào tạo, huấn luyện, tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

5. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải là doanh nghiệp được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực tuyển dụng, cung ứng lao động là thuyền viên làm việc trên tàu biển thông qua hình thức cho thuê hoặc cho thuê lại hoặc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

6. Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải (sau đây viết tắt là Giấy xác nhận) là văn bản do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam cấp cho tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải để xác nhận sự phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải theo quy định của [Công ước MLC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Cong-uoc-Lao-dong-Hang-hai-2006-203056.aspx" \t "_blank).

Nghị định 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

Điều 3. Giải thích từ ngữ

7. Bản sao điện tử: là bản chụp dưới dạng điện tử từ bản chính dạng văn bản giấy hoặc tập tin có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc, bản chính dạng văn bản giấy.

|  |  |
| --- | --- |
| Số: 123/2021/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2021* |

**NGHỊ ĐỊNH**

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI; GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG SẮT; HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số**[**142/2017/NĐ-CP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-142-2017-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-hang-hai-357272.aspx)**ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải**

1. **XỬ PHẠT LIÊN QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN**

**“Mục 4. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ, XÓA ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN, TÀU BIỂN CÔNG VỤ, TÀU NGẦM, TÀU LẶN, KHO CHỨA NỔI, GIÀN KHOAN DI ĐỘNG VÀ BỐ TRÍ THUYỀN VIÊN TRÊN TÀU THUYỀN; SỬ DỤNG CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN, SỔ THUYỀN VIÊN”.**

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

**“****Điều 40. Vi phạm quy định về đăng ký, xóa đăng ký; sử dụng các giấy chứng nhận của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đăng ký thay đổi theo quy định;

b) Không thực hiện đăng ký thay đổi chủ sở hữu sau khi đã được mua, bán, chuyển quyền sở hữu;

c) Không thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu khi thay đổi doanh nghiệp quản lý, khai thác;

d) Khai báo sai lệch thông tin; sử dụng giấy tờ tẩy xóa, sửa chữa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

đ) Chủ tàu biển Việt Nam không gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký về Cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam để quản lý khi tàu biển đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài;

e) Không đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam theo quy định đối với tàu biển được mua, đóng mới của doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước;

g) Không thực hiện xóa đăng ký theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Khai thác tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký;

b) Sử dụng một trong các giấy chứng nhận của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động khác hoặc giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa sai lệch nội dung hoặc giấy chứng nhận không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc làm thủ tục đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm e khoản 1 Điều này;

b) Buộc làm thủ tục xóa đăng ký tàu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều này.”.

1. **XỬ PHẠT LIÊN QUAN ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN**

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

**“****Điều 42. Vi phạm quy định về bố trí thuyền viên, sử dụng chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên trên tàu biển**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Không ghi hoặc ghi không đầy đủ, chính xác thông tin trong sổ thuyền viên theo quy định;

b) Không mang theo đầy đủ chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên khi làm việc trên tàu biển theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Bố trí thuyền viên làm việc trên tàu thuyền không có đủ chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên hoặc có chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề nhưng hết hiệu lực hoặc bố trí chức danh thuyền viên không phù hợp với chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề của thuyền viên;

b) Giao nhiệm vụ cho thuyền viên làm việc trên tàu biển không phù hợp với chức danh trong sổ thuyền viên trái quy định;

c) Không thực hiện việc khai báo hoặc khai báo không chính xác thông tin xuống, rời tàu và việc bố trí chức danh cho thuyền viên bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc đã bị sửa chữa, tẩy xóa;

b) Sử dụng chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên của người khác để làm việc trên tàu;

c) Khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khai báo đầy đủ, chính xác thông tin xuống, rời tàu và bố trí chức danh cho thuyền viên bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 2 Điều này.”.